

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 110/2023/DS-PT
Ngày: 31-8-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Hùng

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLPT-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST, ngày 03-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 62/2023/QĐ-PT, ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 135/TB-TA, ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sơn Thị S, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn:

1. Ông Thạch Ma N, sinh năm 1961 (có mặt)

2. Bà Thạch Thị Sâm N1, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Cùng ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Thạch Thị C, sinh năm 1958 (vắng mặt)

4. Chị Thạch Thị C1, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Bà Thạch Thị Cà S1, sinh năm 1959 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thạch Thị Cà S1 gồm:

5.1. Ông Thạch N2, sinh năm 1944 (có mặt)

5.2. Anh Thạch Sô K, sinh năm 1983 (có mặt)

5.3. Anh Thạch Sô K1, sinh năm 1984 (vắng mặt)

5.4. Chị Thạch Thị Sô P, sinh năm 1987 (vắng mặt)
5.5. Chị Thạch Thị Sô P1, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Cùng ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Thạch Thị Sa M, sinh năm 1984 (vắng mặt)
2. Anh Thạch T, sinh năm 1978 (vắng mặt)
3. Anh Thạch C2, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Cùng ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
4. Chị Thạch Thị Sam B, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Bà Thạch Thị T1, sinh năm 1968 (vắng mặt)
6. Anh Thạch T2, sinh năm 1988 (có mặt)
7. Anh Thạch X, sinh năm 1990 (vắng mặt)
8. Chị Thạch Thị Sa V, sinh năm 1992 (vắng mặt)
9. Ông Thạch A, sinh năm 1963 (có mặt)
10. Anh Thạch T3, sinh năm 1988 (vắng mặt)
11. Chị Thạch Thị Sô P2, sinh năm 1991 (vắng mặt)
12. Chị Thạch Thị Sô P3, sinh năm 1997 (vắng mặt)
Địa chỉ: Cùng ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
13. Bà Thạch Thị P4, sinh năm 1927 (chết)
14. Bà Kim Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt)
15. Ông Sơn P5, sinh năm 1963 (vắng mặt)
16. Anh Sơn Sô P6, sinh năm 1987 (vắng mặt)
17. Anh Kim T4, sinh năm 1991 (vắng mặt)
18. Bà Thạch Thị Ngọc Đ, sinh năm 1965 (vắng mặt)
19. Chị Thạch Thị Minh T5, sinh năm 1982 (vắng mặt)
20. Anh Minh Y, sinh năm 1985 (vắng mặt)
21. Anh Thạch Minh R, sinh năm 1987 (vắng mặt)
22. Chị Thạch Thị Xi N3, sinh năm 1993 (vắng mặt)
23. Anh Sơn Ngọc H1, sinh năm 1983 (vắng mặt)
24. Chị Thạch Thị Pha L, sinh năm 1983 (vắng mặt)
25. Bà Thạch Thị Hồng H2, sinh năm 1967 (vắng mặt)
26. Bà Hồng Thị D, sinh năm 1942 (vắng mặt)
27. Ông Thạch K2, sinh năm 1966 (vắng mặt)
28. Anh Thạch S2, sinh năm 1985 (vắng mặt)
29. Anh Thạch B1, sinh năm 1989 (vắng mặt)
30. Chị Thạch Thị Hồng N4, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Địa chỉ: Cùng ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

31. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, do bà Thạch Thị Sa T6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm đại diện (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch:* Ông Thạch V1, Giáo viên Trường THCS xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Bà Sơn Thị S là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Sơn Thị S trình bày: Nguồn gốc đất có diện tích 4.450m², thửa số 1157, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh là của cha chồng bà (Tên cụ Thạch H3 chết năm 1999), cho vợ chồng bà vào năm 1975. Nhưng lúc cha chồng bà còn sống, đã cho một số hộ ở nhờ trên đất, như: Hộ bà Kim Thị H, hộ bà Thạch Thị Ngọc Đ, hộ bà Thạch Thị Hồng H2. Đến năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Thạch H4 là cấp không đúng đối tượng. Cho nên, bà yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ cụ Thạch H4 và công nhận quyền sử dụng đất cho bà. Bà đồng ý cho hộ bà Kim Thị H, hộ bà Thạch Thị Ngọc Đ, hộ bà Thạch Thị Hồng H2 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 100m² không bồi thường giá trị đất, phần diện tích đất các hộ sử dụng nhiều hơn 100m² thì phải bồi thường giá trị đất cho bà. Riêng hộ chị Thạch Thị Pha L thì phải giao trả đất cho bà sử dụng, vì khi xây dựng nhà ở không hỏi ý kiến của bà.

Theo bị đơn ông Thạch Ma N trình bày: Nguồn gốc đất mà bà S khởi kiện là của ông nội ông tên cụ Thạch P7 cho cha ông (Tên cụ Thạch H4). Sau đó, cụ Thạch H4 đi kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Lúc cụ H4 kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Thạch H3 (Cha chồng bà S) không có ngăn cản hay tranh chấp với cụ H4. Đến năm 2003 cụ H4 chết, đến năm 2014 thì các anh chị em của ông thỏa thuận để ông đứng tên quyền sử dụng đất, bà S mới tranh chấp. Nay, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà S. Riêng các hộ ở nhờ trên diện tích đất, nếu có nhu cầu tiếp tục ở thì ông cũng đồng ý cho ở theo hiện trạng diện tích đo đạc thực tế của từng hộ và đồng ý làm thủ tục tách thửa, sang tên, không yêu cầu các hộ hoàn trả giá trị đất.

Theo các bị đơn bà Thạch Thị Sâm N1, ông Thạch N2, anh Thạch Sô K đều thống nhất theo ý kiến của ông Thạch Ma N. Ngoài ra, không có ai có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Thạch A trình bày: Ông là chồng bà Thạch Thị Sâm N1, là con rể của cụ Thạch H4. Vào năm 1993, chính quyền địa phương thông báo ai có đất thì đi kê khai, đăng ký; lúc đó, cụ H4 đi kê khai, đăng ký thửa đất số 1157, diện tích 4.450m², tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời điểm cụ H4 đi kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995 thì không ai đứng ra ngăn cản hay tranh chấp đất với cụ H4. Năm 2003 cụ H4 chết, đến năm 2014 các con của cụ H4 thống nhất cho ông Thạch Ma N đứng tên quyền sử dụng đất thì bà S tranh chấp. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Kim Thị H trình bày: Khi bà lấy chồng và về sống chung với gia đình chồng thì đã có căn nhà tường xây dựng trên một phần diện tích đất mà bà S đang tranh chấp với các con của cụ Thạch H4. Sau khi mẹ chồng bà chết, bà tiếp tục quản lý căn nhà trên phần

đất cho đến nay. Cho nên, bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất theo diện tích đo đạc thực tế là 1.069m².

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Thạch Thị Ngọc Đ trình bày: Mẹ chồng của bà tên cụ Thạch Thị N5 đã quản lý, sử dụng một phần diện tích đất mà bà S đang tranh chấp với các con của cụ Thạch H4 để xây dựng nhà ở từ lâu. Đến năm 1982, bà về sống chung với gia đình chồng trong căn nhà đó cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất mà mẹ chồng bà đã xây dựng nhà ở là 443m².

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Thạch Thị Hồng H2 trình bày: Cha chồng của bà tên cụ Thạch C3 đã xây dựng nhà ở trên một phần diện tích đất mà bà S tranh chấp với các con của cụ Thạch H4 từ lâu. Đến năm 1982, bà về sống chung với gia đình chồng thì đã có căn nhà tường xây dựng trên diện tích đất này. Sau khi cha, mẹ chồng của bà chết thì bà tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà và diện tích đất cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất theo hiện trạng đo đạc thực tế là 501m².

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, chị Thạch Thị Pha L trình bày: Cha của chị tên Thạch Đơ R1 được cụ Thạch Thị N5 cho xây dựng nhà ở trên một phần diện tích đất mà bà S tranh chấp với các con của cụ Thạch H4. Vì vậy, chị yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất đã xây dựng nhà ở theo hiện trạng đo đạc thực tế là 201m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST, ngày 03-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 166 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 106, Điều 166, Điều 170 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất, diện tích 4.450m² (thực đo 4.493m²), thửa số 1157, tờ bản đồ số 6, loại đất ở nông thôn và cây ăn quả, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho hộ cụ Thạch H4.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Kim Thị H, bà Thạch Thị Hồng H2, bà Thạch Thị Ngọc Đ và chị Thạch Thị Pha L.

3. Công nhận cho hộ bà Kim Thị H được quyền sử dụng đất, diện tích 1.069m², loại đất ở nông thôn và cây ăn quả, thuộc một phần thửa số 1157, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trên sơ đồ là Phần C (điểm 12, 13, 14, 19). Và tài sản gắn liền với đất gồm: căn nhà cấp 4 (mái tol, vách tol, cột bê tông cốt thép), chuồng trại và cây trồng.

4. Công nhận cho hộ bà Thạch Thị Hồng H2 được quyền sử dụng đất, diện tích 501m², loại đất ở nông thôn và cây ăn quả, thuộc một phần thửa số 1157, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trên sơ đồ là Phần D (điểm 14, 15, 20, 19). Và tài sản gắn liền với đất gồm: căn nhà cấp 4 (mái tol, vách tol, cột bê tông cốt thép) và cây trồng.

5. Công nhận cho hộ bà Thạch Thị Ngọc Đ được quyền sử dụng đất, diện tích 443m², loại đất ở nông thôn và cây ăn quả, thuộc một phần thửa số 1157, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trên sơ đồ là Phần E (điểm 15, 16, 18, 6, 7, 20). Và tài sản gắn liền với đất gồm: căn nhà cấp 4 (mái tol, vách tol, cột bê tông cốt thép), chuồng trại và cây trồng.

6. Công nhận cho hộ chị Thạch Thị Pha L được quyền sử dụng đất, diện tích 201m², loại đất ở nông thôn, thuộc một phần thửa số 1157, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trên sơ đồ là Phần F (điểm 5, 6, 18, 16). Và tài sản gắn liền với đất gồm: căn nhà cấp 4 (mái tol, vách tol, cột bê tông cốt thép), chuồng trại và cây trồng.

7. Giao các đồng thừa kế của cụ Thạch H4 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 665m² và diện tích đất 1.505m², thửa số 1157, loại đất ở nông thôn và cây ăn quả, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Kèm theo sơ đồ khu đất theo Công văn số 103/CNHCT, ngày 17/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện C, tỉnh Trà Vinh).

8. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước làm thủ tục chỉnh lý biến động đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này, theo quy định của Luật Đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, về chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022, bà Sơn Thị S làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Sơn Thị S là không có cơ sở, vì bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà S đã được cha chồng của bà S cho bà S. Cha chồng của bà S và S không kê khai, đăng ký đất đai qua các thời kỳ; theo tư liệu địa chính năm 1983 thì diện tích đất do cụ Thạch P8 kê khai, đăng ký và theo tư liệu địa chính năm 1991 do cụ Thạch H4 kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Ngoài ra, bà S cũng không có quản lý, sử dụng đất mà do bốn hộ khác quản lý, sử dụng làm nhà ở ổn định lâu dài. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không rút đơn khởi kiện độc lập; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc

giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Nguyên đơn bà Sơn Thị S khởi kiện cho rằng nguồn gốc đất có diện tích 4.450m² (thực đo 4.493m²), thửa số 1157, tờ bản đồ số 6, loại đất ở nông thôn và cây ăn quả, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, là của cha chồng bà S tên cụ Thạch H3 (Chết năm 1999) cho bà S vào năm 1975. Tuy nhiên, qua các thời kỳ kê khai, đăng ký đất đai năm 1983 và năm 1991, cụ H3, cũng như bà S không thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất về việc kê khai, đăng ký đất đai theo quy định của Nhà nước và quy định của Luật Đất đai.

[2] Mặt khác, bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cụ H3 có tặng cho đất bà S hoặc cụ H3 có lập di chúc bằng văn bản để lại diện tích đất tranh chấp cho bà S được hưởng thừa kế theo di chúc, như bà S khai. Thực tế trên diện tích đất bà S khởi kiện do hộ bà Kim Thị H, hộ bà Thạch Thị Ngọc Đ, hộ bà Thạch Thị Hồng H2 đã sử dụng để xây dựng nhà ở ổn định lâu dài trên 30 năm. Hơn nữa, từ ngày 31/3/2017 trở về trước (Trước ngày Ủy ban nhân dân xã S tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của bà S), thì không có tài liệu, giấy tờ thể hiện cụ H3 hoặc bà S có ngăn cản hay tranh chấp việc cụ Thạch P8 kê khai, đăng ký đất đai năm 1983; việc cụ Thạch H4 kê khai, đăng ký đất đai năm 1991 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995.

[3] Ngoài ra, bà S là con dâu của cụ H3, theo quy định của pháp luật về thừa kế thì bà S không có quyền hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ H3 để lại.

[4] Xét thấy, theo tư liệu địa chính qua các thời kỳ thì diện tích đất do cụ Thạch P8 kê khai, đăng ký năm 1983; cụ Thạch H4 kê khai, đăng ký năm 1991 và cụ Thạch H4 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 (BL 22, 313, 314, 316, 317, 318, 366). Đồng thời, theo lời khai của ông Đô R2, Trưởng Ban N6, xã S, huyện C thì nguồn gốc đất mà bà S đang tranh chấp, do cụ Thạch P8 kê khai, đăng ký năm 1983, sau đó cụ P8 cho em ruột tên cụ Thạch H4 kê khai, đăng ký năm 1991 và cụ Thạch H4 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 361). Theo khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993 quy định *“Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai năm 2003 quy định *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Đối chiếu quá trình sử dụng đất, việc kê khai, đăng ký đất đai theo tư liệu địa chính qua các thời kỳ năm 1983, năm 1991 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Thạch H4 năm 1995 với các quy định của Luật Đất đai năm 1993 và Luật Đất đai năm 2003, cho thấy Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ, đúng pháp

luật. Do đó, bà S kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị nên Tòa án phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Do bà S là người cao tuổi được Tòa án sơ thẩm xét chấp nhận cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên Tòa án phúc thẩm không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Sơn Thị S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 72/2022/DS-ST, ngày 03-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Không chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị S.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Kim Thị H, yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Thạch Thị Hồng H2, yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Thạch Thị Ngọc Đ và yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Thạch Thị Pha L.

1. Công nhận cho hộ bà Kim Thị H được quyền sử dụng đất, diện tích 1.069m², thuộc một phần thửa số 1157, loại đất ở nông thôn và cây ăn quả, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Và tài sản gắn liền với đất, gồm: căn nhà cấp 4 (mái tol, vách tol, cột bê tông cốt thép), chuồng trại và cây trồng. Diện tích đất có tứ cận và kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp Phần D, kích thước 42,50 mét;
- Hướng Tây giáp Kinh, kích thước 48,05 mét;
- Hướng Nam giáp Phần G, kích thước 25,34 mét;
- Hướng Bắc giáp Phần B, kích thước 22,46 mét.

(Phần C trên sơ đồ thửa đất kèm theo bản án)

2. Công nhận cho hộ bà Thạch Thị Hồng H2 được quyền sử dụng đất, diện tích 501m², thuộc một phần thửa số 1157, loại đất ở nông thôn và cây ăn quả, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Và tài sản gắn liền với đất, gồm: căn nhà cấp 4 (mái tol, vách tol, cột bê tông cốt thép) và cây trồng. Diện tích đất có tứ cận và kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp Phần E, kích thước 42,85 mét;
- Hướng Tây giáp Phần C, kích thước 42,50 mét;
- Hướng Nam giáp Phần G, kích thước 9,92 mét;
- Hướng Bắc Phần B, kích thước 14,10 mét.

(Phần D trên sơ đồ thửa đất kèm theo bản án)

3. Công nhận cho hộ bà Thạch Thị Ngọc Đ được quyền sử dụng đất, diện tích 443m², thuộc một phần thửa số 1157, loại đất ở nông thôn và cây ăn quả, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Và tài sản gắn liền với đất, gồm: căn nhà cấp 4 (mái tol, vách tol, cột bê tông cốt thép), chuồng trại và cây trồng. Diện tích đất có tứ cận và kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp Phần F, kích thước 33,26 mét và giáp Đường nhựa, kích thước 10,43 mét;
- Hướng Tây giáp Phần D, kích thước 42,85 mét;
- Hướng Nam giáp Phần G, kích thước 14,83 mét;
- Hướng Bắc giáp Phần B, kích thước 7,80 mét và giáp Phần F, kích thước 5,05 mét.

(Phần E trên sơ đồ thửa đất kèm theo bản án)

4. Công nhận cho hộ chị Thạch Thị Pha L được quyền sử dụng đất, diện tích 201m², thuộc một phần thửa số 1157, loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Và tài sản gắn liền với đất, gồm: căn nhà cấp 4 (mái tol, vách tol, cột bê tông cốt thép), chuồng trại và cây trồng. Diện tích đất có tứ cận và kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp Đường nhựa, kích thước 33,68 mét;
- Hướng Tây giáp Phần E, kích thước 33,26 mét;
- Hướng Nam giáp Phần E, kích thước 5,05 mét;
- Hướng Bắc giáp Phần B, kích thước 7,53 mét.

(Phần F trên sơ đồ thửa đất kèm theo bản án)

5. Giao các đồng thừa kế của cụ Thạch H4 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 665m² và diện tích đất 1.505m², thửa số 1157, loại đất ở nông thôn và cây ăn quả, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Thạch H4 năm 1995.

(Phần B và Phần G trên sơ đồ thửa đất kèm theo bản án)

6. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này, theo quy định của Luật Đất đai.

7. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Công nhận sự tự nguyện của bà Kim Thị H, bà Thạch Thị Hồng H2, bà Thạch Thị Ngọc Đ và chị Thạch Thị Pha L, mỗi người chịu số tiền bằng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền mỗi người đã nộp tạm ứng trước bằng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), nên không phải nộp tiếp.

Buộc bà Sơn Thị S phải chịu số tiền bằng 6.214.581 đồng (Sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm tám mươi một đồng), nhưng được trừ vào số tiền bà Sơn Thị S đã nộp tạm ứng trước bằng 6.972.316 đồng (Sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm mười sáu đồng). Hoàn trả tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản còn thừa cho bà Sơn Thị S bằng 757.735 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

8. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Sơn Thị S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đê